

DANH SÁCH KẾT QUẢ XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC BẬC TRUNG HỌC CƠ SỞ

| ST<br>T         | Họ và Tên            | Ngày tháng<br>năm sinh | Nữ | Điểm<br>học<br>tập<br>(10) | Điểm<br>học<br>tập<br>(4) | Điểm<br>sát<br>hạch | Kết<br>quả<br>điểm<br>tổng<br>hợp | Ngại<br>ngữ | Tin<br>học | C/ chỉ<br>khác<br>theo<br>CDNN | Trình<br>độ<br>chuyên<br>môn | Chuyên ngành                 | Trường-Hệ                                  | Hệ        | Kết quả<br>đự kiến |
|-----------------|----------------------|------------------------|----|----------------------------|---------------------------|---------------------|-----------------------------------|-------------|------------|--------------------------------|------------------------------|------------------------------|--------------------------------------------|-----------|--------------------|
| 1               | 2                    | 3                      | 4  | 5                          | 6                         | 7                   | 8                                 | 9           | 10         | 11                             | 12                           | 13                           | 14                                         | 15        | 16                 |
| TRUNG HỌC CƠ SỞ |                      |                        |    |                            |                           |                     |                                   |             |            |                                |                              |                              |                                            |           |                    |
| 1               | Phạm Thị Thảo        | 20/06/1990             | x  | 7.77                       |                           | 86                  | 327.4                             | B           | B          |                                | ĐH                           | Sư phạm Toán-Tin             | Đại học Sư phạm-Đại<br>học Thái Nguyên     | Chính quy | Trúng tuyển        |
| 2               | Phạm Thị Đào         | 26/10/1990             | x  | 7.38                       |                           | 87                  | 321.6                             | B           | A          |                                | ĐH                           | Sư phạm Toán học             | Đại học Sư phạm Hà Nội<br>2                | Chính quy | Trúng tuyển        |
| 3               | Nguyễn Mai Anh       | 10/12/1991             | x  | 7.46                       |                           | 88                  | 325.2                             | B2          | B          | PPGD<br>Tiếng<br>Anh           | ĐH                           | Ngôn ngữ Anh                 | Đại học Ngoại ngữ-Tin<br>học TP.HCM        | Chính quy | Trúng tuyển        |
| 4               | Ngô Thùy Dung        | 01/04/1989             | x  | 9.04                       |                           | 88                  | 356.8                             |             | A          | NVSP                           | ĐH                           | Ngữ văn Trung Quốc           | Đại học Khoa học Xã<br>hội và Nhân văn     | Chính quy | Trúng tuyển        |
| 5               | Vũ Thị Quyên         | 04/10/1993             | x  | 6.65                       |                           | 82                  | 297                               |             |            |                                | ĐH                           | Sư phạm Sinh học             | Đại học Hồng Đức                           | Chính quy | Trúng tuyển        |
| 6               | Trịnh Thị Huyền      | 22/04/1985             | x  | 3.19                       | 91.5                      | 92                  | 342.6                             | B           | A          |                                | ĐH                           | Sư phạm Giáo dục công<br>dân | Đại học Cần Thơ                            | Chính quy | Trúng tuyển        |
| 7               | Nguyễn Thị Yến Chi   | 17/08/1994             | x  | 7.38                       |                           | 92                  | 331.6                             | B           | A          |                                | CD                           | Giáo dục Công dân            | Đại học Sài Gòn                            | Chính quy | Trúng tuyển        |
| 8               | Cù Nguyễn Phúc Thịnh | 12/06/1994             |    | 7.32                       |                           | 77                  | 300.4                             | B           | B          |                                | CD                           | Giáo dục Thể chất            | Đại học Sư phạm Thể<br>dục Thể thao TP.HCM | Chính quy | Trúng tuyển        |
| 9               | Vũ Văn Dũng          | 15/09/1991             |    | 6.58                       |                           | 80                  | 291.6                             | B           | B          |                                | ĐH                           | Giáo dục thể chất            | Đại học Sư phạm Thể<br>dục Thể thao Hà Nội | Chính quy | Trúng tuyển        |
| 10              | Bùi Thị Hương Thảo   | 07/04/1979             | x  | 7.63                       |                           | 89                  | 330.6                             | B           | THVP       |                                | CD                           | Hội họa                      | Cao đẳng Sư phạm<br>TP.HCM                 | Chính quy | Trúng tuyển        |
| 11              | Nguyễn Thị Phương    | 25/06/1992             | x  | 3.01                       | 91                        | 91                  | 332.6                             | B           | A          |                                | ĐH                           | Sư phạm Ngữ văn              | Đại học Sư phạm<br>TP.HCM                  | Chính quy | Trúng tuyển        |
| 12              | Võ Minh Hiếu         | 02/01/1992             |    | 2.57                       | 95                        | 95                  | 318.6                             | B           | A          | NVSP                           | ĐH                           | Ngữ văn                      | Đại học Sư phạm<br>TP.HCM                  | Chính quy | Trúng tuyển        |

| ST<br>T | Họ và Tên           | Ngày tháng<br>năm sinh | Nữ | Điểm<br>học<br>tập<br>(10) | Điểm<br>học<br>tập<br>(4) | Điểm<br>sát<br>hạch | Kết<br>quả<br>điểm<br>tổng<br>hợp | Ngoại<br>ngữ | Tin<br>học | C/ chỉ<br>khác<br>theo<br>CDNN | Trình<br>độ<br>chuyên<br>môn | Chuyên ngành                 | Trường-Hệ                                    | Hệ        | Kết quả<br>đự kiến |
|---------|---------------------|------------------------|----|----------------------------|---------------------------|---------------------|-----------------------------------|--------------|------------|--------------------------------|------------------------------|------------------------------|----------------------------------------------|-----------|--------------------|
| 1       | 2                   | 3                      | 4  | 5                          | 6                         | 7                   | 8                                 | 9            | 10         | 11                             | 12                           | 13                           | 14                                           | 15        | 16                 |
| 13      | Lại Thị Hà          | 05/06/1990             | x  | 7.62                       |                           | 83                  | 318.4                             | B            | B          |                                | CD                           | Sư phạm Văn-Sư               | Đại học Sư phạm<br>Nghệ An                   | Chính quy | Trúng tuyển        |
| 14      | Dặng Tiến Dũng      | 23/07/1993             |    | 7.95                       |                           | 79                  | 317                               | B            | A          |                                | DH                           | Sư phạm Toán học             | Đại học Sài Gòn                              | Chính quy | Không trúng tuyển  |
| 15      | Nguyễn Thị Yến      | 14/09/1984             | x  | 6.43                       |                           | 86                  | 300.6                             |              |            |                                | DH                           | Sư phạm Toán học             | Đại học Sư phạm Huế                          | Chính quy | Không trúng tuyển  |
| 16      | Vũ Xuân Hòa         | 05/08/1988             |    | 6.73                       |                           | 77                  | 288.6                             | B            | B          |                                | DH                           | Sư phạm Toán học             | Đại học Sư phạm<br>TP.HCM                    | Chính quy | Không trúng tuyển  |
| 17      | Nguyễn Thị Xuân     | 16/06/1992             | x  | 7.1                        |                           | 69                  | 278                               | TOEIC        | B          |                                | DH                           | Sư phạm Toán học             | Đại học Hà Tĩnh                              | Chính quy | Không trúng tuyển  |
| 18      | Bùi Thị Băng Châu   | 13/09/1978             | x  | 6.87                       |                           | 85                  | 307.4                             |              |            | NVSP                           | DH                           | Ngôn ngữ Anh                 | Đại học Hà Nội                               | Học từ xa | Không trúng tuyển  |
| 19      | Trần Mỹ Kiêm        | 11/01/1976             | x  | 7.18                       |                           | 82                  | 307.6                             |              |            |                                | DH                           | Trung Văn                    | Đại học Sư phạm<br>TP.HCM                    | Tại chức  | Không trúng tuyển  |
| 20      | Đinh Thị Nhung      | 10/04/1993             | x  | 7.05                       |                           | 77                  | 295                               | B            | A          |                                | DH                           | Sư phạm Sinh-Hóa             | Đại học Sư phạm-Đại<br>học Thái Nguyên (GCN) | Chính quy | Không trúng tuyển  |
| 21      | Trần Thị Thanh Thảo | 30/11/1993             | x  | 7.75                       |                           | 85.5                | 326                               | B            | A          |                                | CD                           | Giáo dục Công dân            | Đại học Sài Gòn                              | Chính quy | Không trúng tuyển  |
| 22      | Nguyễn Hoàng Khiêm  | 08/10/1993             |    | 7.11                       |                           | 74                  | 290.2                             |              |            | NVSP                           | DH                           | Giáo dục Thể chất-Bóng<br>đá | Đại học Quốc tế Hồng<br>Bàng                 | Chính quy | Không trúng tuyển  |
| 23      | Nguyễn Lê Phong     | 09/05/1989             |    | 6.41                       |                           | 79                  | 286.2                             |              |            | NVSP                           | DH                           | Giáo dục Thể chất-Bóng<br>đá | Đại học Quốc tế Hồng<br>Bàng TP.HCM          | Chính quy | Không trúng tuyển  |
| 24      | Trần Thị Liên       | 09/03/1981             | x  | 6.8                        |                           | 73                  | 282                               | B            | B          |                                | CD                           | Giáo dục Thể chất            | Cao đẳng Sư phạm Hà<br>Nội                   | Chính quy | Không trúng tuyển  |
| 25      | Hà Văn Hiếu         | 23/10/1985             |    | 6.4                        |                           | 74                  | 276                               | B            | B          |                                | CD                           | Sư phạm Giáo dục Thể<br>chất | Cao đẳng Thể dục Thể<br>thao Thanh Hóa       | Chính quy | Không trúng tuyển  |
| 26      | Phùng Đức Hậu       | 09/09/1985             |    | 6.82                       |                           | 67                  | 270.4                             |              | B          |                                | DH                           | Giáo dục Thể chất            | Đại học Thể dục Thể<br>thao Bắc Ninh         | Chính quy | Không trúng tuyển  |
| 27      | Đặng Văn Chính      | 30/09/1987             |    | 7.75                       |                           | 81                  | 317                               |              |            |                                | DH                           | Sư phạm Ngữ văn              | Đại học Tây Bắc                              | Chính quy | Không trúng tuyển  |

| ST T | Họ và Tên         | Ngày tháng năm sinh | Nữ | Điểm học tập (10) | Điểm học tập (4) | Điểm sát hạch | Kết quả điểm tổng hợp | Ngoại ngữ | Tin học | C/ chỉ khác theo CDNN | Trình độ chuyên môn | Chuyên ngành    | Trường-Hệ                  | Hệ        | Kết quả dự kiến   |
|------|-------------------|---------------------|----|-------------------|------------------|---------------|-----------------------|-----------|---------|-----------------------|---------------------|-----------------|----------------------------|-----------|-------------------|
| 1    | 2                 | 3                   | 4  | 5                 | 6                | 7             | 8                     | 9         | 10      | 11                    | 12                  | 13              | 14                         | 15        | 16                |
| 28   | Lê Thị Lương      | 06/08/1987          | x  | 6.72              |                  | 91            | 316.4                 | B         | B       | NVSP                  | DH                  | Sư phạm Ngữ văn | Đại học Sư phạm TP.HCM     | Chính quy | Không trúng tuyển |
| 29   | Võ Hữu Đức        | 10/05/1990          |    | 7.01              |                  | 87            | 314.2                 | B         | B       |                       | DH                  | Sư phạm Ngữ văn | Đại học Đồng Tháp          | Chính quy | Không trúng tuyển |
| 30   | Đinh Quốc Phong   | 28/10/1990          |    | 7.05              |                  | 85.5          | 312                   |           | B       | NVSP                  | DH                  | Ngữ văn         | Đại học Văn Hiến           | Chính quy | Không trúng tuyển |
| 31   | Châu Minh Thức    | 06/01/1991          |    | 6.31              |                  | 80            | 286.2                 | B         | A       | NVSP                  | DH                  | Ngữ văn         | Đại học Quy Nhơn           | Chính quy | Không trúng tuyển |
| 32   | Vũ Nguyệt Thu     | 25/01/1990          | x  | 6.73              |                  | 74.5          | 283.6                 |           |         |                       | CD                  | Sư phạm Ngữ văn | Cao đẳng Sư phạm Nam Định  | Chính quy | Không trúng tuyển |
| 33   | Nguyễn Thị Nguyệt | 10/04/1993          | x  | 6.59              |                  | 68            | 267.8                 |           |         |                       | CD                  | Sư phạm Ngữ văn | Cao đẳng Sư phạm Thái Bình | Chính quy | Không trúng tuyển |

Ngày tháng 10 năm 2015  
**TRƯỞNG PHÒNG**  
  
 Lưu Hồng Uyên